

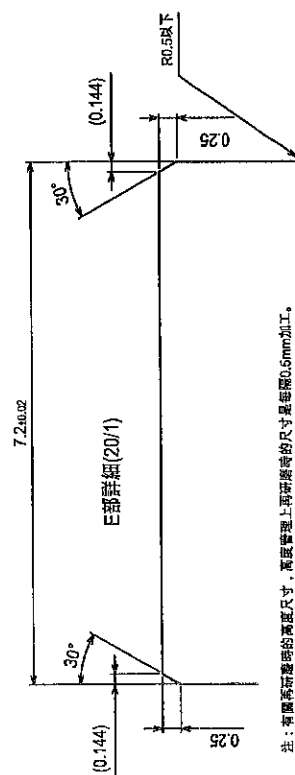
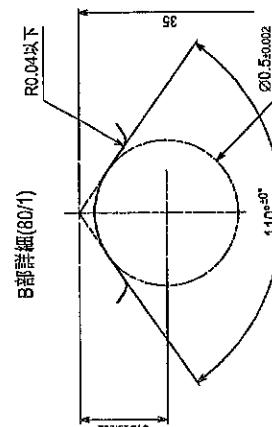
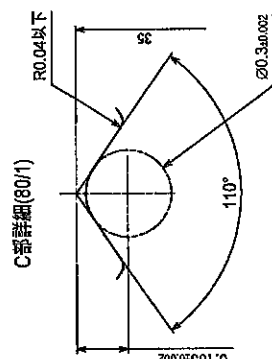
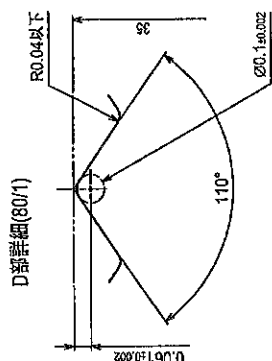
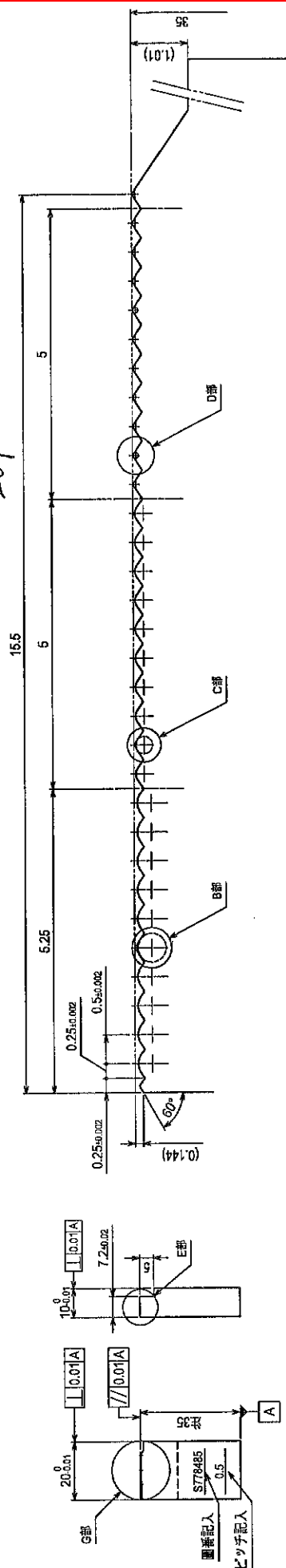
20

3部詳細(20/1) 刃物部仕上

CUTTING TOLERANCE	
0.5 ± .5 6	± 0.1
6 < .5 30	± 0.2
30 < .5 120	± 0.3
120 < .5 400	± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED ARE 1/16" PLUS 1/16" FINISH MARKS

未指示角部C0.5



DSGND...	CHKD...	TITLE	PART NAME
Wei Lun Chuan	Hui Chai Feng	詳細圖	サタイス
CURCHEN TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	STRAIGHT DIES
HRC		組立図	平模
		部品図	平模
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG. NO.
WCKM10	2008/12/08	1:1	S778485

BT 5083860

注：有關研磨時的高度尺寸，高度量測上再研磨時的尺寸是每隔0.5mm加工。其他材質代替不可。

SNO: **S778485**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **10 P**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	GS : 30 GP : 40 AL : 1 KT